

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC  
HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 37
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 37

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Văn phòng HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

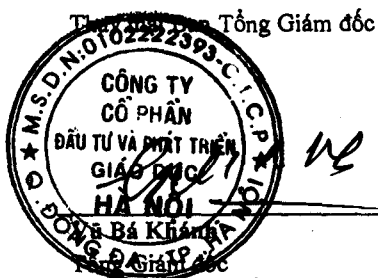
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Số: 28 /2014/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 20 tháng 01 năm 2014, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2014

**Nguyễn Ngọc Lân**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1427-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>168.442.955.969</b>	<b>170.357.046.558</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.189.462.599	22.046.361.132
111	1. Tiền		9.189.462.599	3.046.361.132
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.000.000.000	19.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.989.900	19.711.500
121	1. Đầu tư ngắn hạn		118.776.400	118.776.400
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(109.786.500)	(99.064.900)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		56.537.924.073	42.191.916.081
131	1. Phải thu khách hàng		36.449.454.485	34.750.128.423
132	2. Trả trước cho người bán		24.672.932.340	12.004.036.486
135	3. Các khoản phải thu khác	5	490.191.586	383.071.685
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.074.654.338)	(4.945.320.513)
140	IV. Hàng tồn kho	6	73.816.392.001	95.265.819.057
141	1. Hàng tồn kho		80.311.559.002	101.652.968.904
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.495.167.001)	(6.387.149.847)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.890.187.396	10.833.238.788
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	15.405.049.896	6.997.596.320
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	7.882.000
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	7.843.000	3.689.181.468
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	477.294.500	138.579.000

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013  
 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>145.514.520.894</b>	<b>132.570.150.243</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.345.598.227</b>	<b>2.724.607.394</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	920.648.227	700.657.394
222	- Nguyên giá		3.742.595.211	3.449.789.582
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.821.946.984)	(2.749.132.188)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.424.950.000	2.023.950.000
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>141.993.750.000</b>	<b>129.758.342.849</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		125.000.000.000	125.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		12.243.750.000	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		4.750.000.000	7.750.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(2.991.657.151)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>175.172.667</b>	<b>87.200.000</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	135.372.667	-
268	2. Tài sản dài hạn khác		39.800.000	87.200.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>313.957.476.863</b>	<b>302.927.196.801</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>109.956.807.680</b>	<b>100.648.033.069</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		99.956.807.680	80.648.033.069
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	54.425.076.734	40.379.025.896
312	2. Phải trả người bán		23.410.631.577	15.120.882.282
313	3. Người mua trả tiền trước		682.021.267	2.272.469.424
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	572.958.902	604.756.104
315	5. Phải trả người lao động		3.855.302.703	2.700.282.574
316	6. Chi phí phải trả	16	2.656.004.108	5.249.032.731
317	7. Phải trả nội bộ		13.323.679.404	4.614.245.573
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	660.337.231	9.135.941.951
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		370.795.754	571.396.534
330	II. Nợ dài hạn		10.000.000.000	20.000.000.000
334	1. Vay và nợ dài hạn	18	10.000.000.000	20.000.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>204.000.669.183</b>	<b>202.279.163.732</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	204.000.669.183	202.279.163.732
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.166.950	24.166.950
414	3. Cổ phiếu quỹ		(3.200.876.950)	(3.200.876.950)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		7.062.829.000	4.118.859.101
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		13.721.825.214	10.595.660.942
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		7.166.600.347	5.603.518.211
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.226.124.622	35.137.835.478
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>313.957.476.863</b>	<b>302.927.196.801</b>



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Dương Thị Việt Hà  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên  
 Người lập

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	377.975.971.879	324.567.109.864
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	4.867.500.726	4.724.115.495
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	373.108.471.153	319.842.994.369
11	4. Giá vốn hàng bán	23	291.039.210.678	233.490.219.272
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.069.260.475	86.352.775.097
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.042.653.582	1.977.786.097
22	7. Chi phí tài chính	25	6.657.958.069	14.461.392.589
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.424.933.333	9.486.279.878
24	8. Chi phí bán hàng	26	26.245.340.609	21.443.717.825
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	15.986.407.901	14.055.729.360
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.222.207.478	38.369.721.420
31	11. Thu nhập khác	28	8.949.093.711	126.655.892
32	12. Chi phí khác	29	4.566.262.970	308.438.894
40	13. Lợi nhuận khác		4.382.830.741	(181.783.002)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		38.605.038.219	38.187.938.418
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	4.865.306.360	3.050.102.940
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>33.739.731.859</u>	<u>35.137.835.478</u>



*[Signature]*  
 Trần Thị Khánh  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Dương Thị Việt Hà  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Phong Yên  
 Người lập

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		312.364.948.198	318.214.620.771
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(256.483.127.126)	(238.853.691.829)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(17.190.239.476)	(15.095.078.050)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(7.451.859.030)	(9.349.570.661)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.139.078.732)	(13.020.750.290)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.046.997.077	14.837.140.073
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.072.900.137)	(6.864.944.719)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>33.074.740.774</i>	<i>49.867.725.295</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.494.863.727)	(103.908.181)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(9.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	12.755.260.208
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.243.750.000)	(126.000.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	80.892.179
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.089.903.582	1.832.873.370
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(9.648.710.145)</i>	<i>(120.934.882.424)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	224.500.000
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		199.703.587.219	245.254.972.836
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(195.657.536.381)	(184.875.946.940)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.328.980.000)	(13.803.900.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(23.282.929.162)</i>	<i>46.799.625.896</i>


## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2013  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		143.101.467	(24.267.531.233)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.046.361.132	46.313.892.365
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>22.189.462.599</u>	<u>22.046.361.132</u>



Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

  
Dương Thị Việt Hà  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Phong Yên  
Người lập

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tòa nhà Văn phòng HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3 số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/09/2010, hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành bộ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2013, Công ty thực hiện đấu thầu và ký hợp đồng với các nhà in (trong tháng 11) sớm hơn các năm trước đây (thường là tháng 12). Do vậy, Các loại sách cũng được Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam cấp Giấy phép xuất bản và tính Phí quản lý xuất bản (Xem thêm tại Thuyết minh 7) trong tháng 12 trong khi các năm trước đây phí quản lý xuất bản thường được ghi nhận vào năm tiếp theo.

Các hợp đồng thầu in thường có điều khoản Công ty phải ứng trước giấy in cho các Nhà in số lượng bằng khoảng 80% giá trị giấy in ruột. Việc ứng giấy in được thông qua hợp đồng mua Bán giấy in mà Công ty là nhà cung cấp. Năm 2013 theo các hợp đồng thầu in nêu trên, Công ty đã thực hiện ứng (bán) vật tư cho các Nhà in (tập trung vào tháng 12) sớm hơn các năm trước đây (thường là tháng 1 năm sau). Điều này dẫn tới Doanh thu bán vật tư (Xem tại

Thuyết minh 20) trong năm 2013 và số dư khoản mục Trả trước cho người bán (trên Bảng cân đối kế toán) tại 31/12/2013 tăng mạnh so với năm 2012 và thời điểm 31/12/2012.

Ngoài ra, trong năm 2013 Công ty thực hiện thay đổi sang hình thức in đấu thầu đối với một số các hợp đồng trước đây áp dụng hình thức in gia công là chủ yếu. Điều này dẫn tới giá trị vật tư cấp cho các nhà in (Xem tại Thuyết minh 6) tại thời điểm 31/12/2013 thấp hơn đáng kể so với thời điểm 31/12/2012.

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **2.3. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải       | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

Từ tháng 6/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể: Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu VND. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 01 năm tài chính.

## 2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

111  
ÔNG  
HIỆM  
KIỂM  
AS  
KIỂM

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

## 2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Riêng thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo giá trị vật tư, thành phẩm, hàng hóa và dở dang còn tồn tại tại thời điểm cuối kỳ kế toán.



## 2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.13. Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;



- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **2.14. Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.15. Các khoản thuế**

##### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của Công ty có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Đồng thời, Tại Công văn số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Bộ Tài chính về thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản thì các đơn vị thành viên của Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam có thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản bằng việc thực hiện các công đoạn hoặc từng công đoạn của hoạt động xuất bản thì khoản thu nhập này được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%. Doanh nghiệp phải thực hiện hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động xuất bản được áp dụng thuế suất thuế 10% nêu trên.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	377.998.279	161.990.372
Tiền gửi ngân hàng	8.811.464.320	2.884.370.760
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	19.000.000.000
	<b>22.189.462.599</b>	<b>22.046.361.132</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	118.776.400	118.776.400
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(109.786.500)	(99.064.900)
	<b>8.989.900</b>	<b>19.711.500</b>

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	CP	VND	CP	VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		118.776.400		118.776.400
- LSS	625	21.500.000	625	21.500.000
- QNC	8	276.400	8	276.400
- PHH	800	22.400.000	800	22.400.000
- STL	1500	74.600.000	1.500	74.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(109.786.500)		(99.064.900)
	<b>2.933</b>	<b>8.989.900</b>	<b>2.933</b>	<b>19.711.500</b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khác	490.191.586	383.071.685
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	14.500.000	61.750.000
- Phải thu các đối tượng khác	475.691.586	321.321.685
	<b>490.191.586</b>	<b>383.071.685</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.970.008.271	48.130.129.547
Công cụ, dụng cụ	-	6.100.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang <sup>[1]</sup>	5.514.912.845	18.385.173.196
Thành phẩm	19.328.108.488	18.864.154.017
Hàng hoá	12.680.691.607	12.350.699.947
Hàng gửi đi bán	1.817.837.791	3.916.712.197
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.495.167.001)	(6.387.149.847)
	<b>73.816.392.001</b>	<b>95.265.819.057</b>

<sup>[1]</sup>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị vật tư giấy đưa đi in gia công còn tồn tại các nhà in tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	6.997.596.320	11.007.738.775
Số tăng trong năm	37.674.433.667	17.358.017.516
Số đã kết chuyển trong năm	(29.266.980.091)	(21.368.159.971)
Số dư cuối năm	<b>15.405.049.896</b>	<b>6.997.596.320</b>

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ <sup>[1]</sup>	4.255.777.825	5.494.072.865
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	16.000.613	-
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	2.740.671.458	1.293.745.455
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ <sup>[2]</sup>	8.392.600.000	209.778.000
	<b>15.405.049.896</b>	<b>6.997.596.320</b>

<sup>[1]</sup>Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ căn cứ vào giá trị Nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa, giá trị dở dang tồn kho tại thời điểm 31/12/2013.

<sup>[2]</sup>Trong đó, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm (Xem thêm tại Thuyết minh 1).

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.453.575.842
Thuế thu nhập cá nhân	-	227.762.626
Các khoản khác phải thu Nhà nước	7.843.000	7.843.000
	<b>7.843.000</b>	<b>3.689.181.468</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	175.779.000	138.579.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	301.515.500	-
	<b>477.294.500</b>	<b>138.579.000</b>

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.792.616.753	657.172.829	3.449.789.582
Số tăng trong năm	627.272.727	65.355.000	692.627.727
- Mua trong năm	627.272.727	65.355.000	692.627.727
Số giảm trong năm	-	(399.822.098)	(399.822.098)
- Giảm do điều chỉnh theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	-	(399.822.098)	(399.822.098)
Số dư cuối năm	<b>3.419.889.480</b>	<b>322.705.731</b>	<b>3.742.595.211</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.209.232.987	539.899.201	2.749.132.188
Số tăng trong năm	384.760.780	59.012.742	443.773.522
- Khấu hao trong năm	384.760.780	59.012.742	443.773.522
Số giảm trong năm	-	(370.958.726)	(370.958.726)
- Giảm do điều chỉnh theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	-	(370.958.726)	(370.958.726)
Số dư cuối năm	<b>2.593.993.767</b>	<b>227.953.217</b>	<b>2.821.946.984</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	583.383.766	117.273.628	700.657.394
Tại ngày cuối năm	<b>825.895.713</b>	<b>94.752.514</b>	<b>920.648.227</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.918.505.588 VND.

## 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội <sup>[1]</sup>	2.124.950.000	1.723.950.000
- Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa <sup>[2]</sup>	300.000.000	300.000.000
	<b>2.424.950.000</b>	<b>2.023.950.000</b>

<sup>[1]</sup>Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - TP Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m<sup>2</sup>;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Theo hợp đồng này Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án; Riêng phần tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án. Sau khi ký kết Biên bản này, thực hiện theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty đã góp số kinh phí để thực hiện dự án là 2.124.950.000 VND.

<sup>[2]</sup>Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án "Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa".

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125.000.000.000	125.000.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>12.243.750.000</b>	-
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây <sup>[1]</sup>	12.243.750.000	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>4.750.000.000</b>	<b>7.750.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây <sup>[1]</sup>	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tia Sáng mới	1.000.000.000	1.000.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>	-	<b>(2.991.657.151)</b>
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	-	(2.991.657.151)
	<b>141.993.750.000</b>	<b>129.758.342.849</b>

<sup>[1]</sup> Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10-2013/NQ-HĐQT ngày 15/11/2013 thông qua kế hoạch mua đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà tây, cụ thể:

- Tổng số cổ phần đã mua thêm: 512.500 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần;
- Giá khởi điểm: 14.400 VND/cổ phần;
- Giá khớp lệnh: 14.500 VND/cổ phần;
- Phương thức giao dịch: đấu giá (theo quy chế đấu giá đợt chào bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây được đăng tải trên website của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank);
- Tổng giá trị giao dịch: 7.431.250.000 VND.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 16-12/2013/HĐCNCP-TCGD ngày 16/12/2013 của bên chuyển nhượng cổ phần là Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với các nội dung cụ thể đã thực hiện như sau:

- Tên cổ phần: Cổ phần Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây;
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần;
- Số lượng cổ phần đã mua thêm: 125.000 cổ phần;
- Giá chuyển nhượng: 14.500 VND/cổ phần;
- Tổng giá trị giao dịch: 1.812.500.000 VND.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong kỳ	812.236.000	-
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(676.863.333)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>135.372.667</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:</b>		
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí lắp đặt hệ thống văn phòng làm việc	135.372.667	-
	<b>135.372.667</b>	<b>-</b>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>54.425.076.734</b>	<b>40.379.025.896</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội <sup>[1]</sup>	44.870.370.955	40.379.025.896
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC - CN Hà Nội <sup>[2]</sup>	9.554.705.779	-
	<b>54.425.076.734</b>	<b>40.379.025.896</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

<sup>[1]</sup>Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ TDHM-HEID ngày 03/05/2013 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng đến ngày 20/04/2014;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 9 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;



- Phương thức cho vay: Theo Hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.
- Số dư tại 31/12/2013 là: 44.870.370.955 VND.

<sup>[2]</sup>Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐ TDHM-HEID ngày 11/09/2013 giữa bên cho vay là Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND, Trong đó: Trong thời gian từ tháng 09 đến tháng 05 hàng năm: Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND; Trong thời gian từ tháng 06 đến tháng 08 hàng năm: Hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì Hạn mức tín dụng đến ngày 29/04/2015;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 180 ngày;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;  
 Phương thức đảm bảo tiền vay là thế chấp tài sản: Hàng hóa luân chuyển trong kho (Sách, lịch, thùng carton, giấy...) tại kho hàng ở địa chỉ Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội. Kho hàng nằm trong khuôn viên Công ty CP In sách Giáo khoa tại TP Hà Nội. Tổng giá trị của các Tài sản trong kho tại mọi thời điểm không được thấp hơn 30.000.000.000 VND.
- Số dư tại 31/12/2013 là: 9.554.705.779 VND.

#### 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	178.894.555	473.065.552
Thuế thu nhập doanh nghiệp	272.651.786	-
Thuế thu nhập cá nhân	121.412.561	131.690.552
	<b>572.958.902</b>	<b>604.756.104</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	109.783.520	136.709.217
Trích trước chi phí tăng công in	-	124.336.258
Trích trước chi phí tổ chức bàn thảo, quản lý xuất bản	773.705.829	2.952.817.500
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	759.900.728	1.175.656.838
Trích trước chi phí vận chuyển	867.614.031	859.512.918
Chi phí phải trả khác	145.000.000	-
	<b>2.656.004.108</b>	<b>5.249.032.731</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	353.727.602	214.663.978
Bảo hiểm y tế	-	10.089.388
Bảo hiểm thất nghiệp	-	4.188.585
Các khoản phải trả, phải nợ khác	306.609.629	8.907.000.000
- Phải trả bà Phạm Thị Thu Ngân <sup>[1]</sup>	-	8.907.000.000
- Phải trả khác	306.609.629	-
	<b>660.337.231</b>	<b>9.135.941.951</b>

<sup>[1]</sup> Là khoản tiền ứng trước của Bà Phạm Thị Thu Ngân để thực hiện đồng kinh tế số 01 ngày 25/05/2012 về việc Công ty bán lại các căn hộ tại ngôi nhà chung cư 5 tầng lô A2-DDN, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội cho Bà Phạm Thị Thu Ngân (là các căn hộ Công ty đã ký hợp đồng mua lại từ năm 2007 nhưng chưa thực hiện xong thủ tục sang tên đổi chủ nên chưa hạch toán là TSCĐ của Công ty mà đang theo dõi trên khoản mục Ứng trước cho người bán). Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc bán Bất động sản này cho bà Phạm Thị Thu Ngân (Xem thêm tại Thuyết minh 28).

**18. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	10.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội <sup>[1]</sup>	10.000.000.000	20.000.000.000
	<b>10.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến vay dài hạn như sau:

<sup>[1]</sup>Hợp đồng tín dụng số 02-2012/HĐ TDHM-HEID ngày 20/04/2012 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Mua lại 100% vốn của Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công;
- Phương thức áp dụng lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;
- Tài sản đảm bảo gồm: Tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công. Giá trị tài sản đảm bảo: 87.959.857.253 VND; Quyền phải thu từ hợp đồng cho thuê văn phòng của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công và toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công, giá trị: 110.000.000.000 VND;
- Số dư tại ngày 31/12/2013: 10.000.000.000 VND.

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội  
Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn CSH		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	-	(3.401.210.000)	-	3.921.741.838	8.150.159.024	4.075.079.512	8.756.373.976	171.502.144.350	35.137.835.478	-	224.500.000	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Bán cổ phiếu quỹ	-	24.166.950	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	197.117.263	2.445.501.918	1.528.438.699	(4.171.057.880)	-	-	-	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(4.585.316.096)	-	-	-	-	(4.585.316.096)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>24.166.950</b>	<b>(3.200.876.950)</b>	<b>24.166.950</b>	<b>4.118.859.101</b>	<b>10.595.660.942</b>	<b>5.603.518.211</b>	<b>35.137.835.478</b>	<b>202.279.163.732</b>	<b>35.137.835.478</b>	<b>33.739.731.859</b>	<b>(18.939.180.000)</b>	<b>(8.389.800.000)</b>	<b>204.000.669.183</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tạm ứng cổ tức năm 2013 cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam <sup>(1)</sup>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.943.969.899	3.126.164.272	1.563.082.136	(7.633.216.307)	-	-	-	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(4.689.246.408)	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>24.166.950</b>	<b>(3.200.876.950)</b>	<b>24.166.950</b>	<b>7.062.829.000</b>	<b>13.721.825.214</b>	<b>7.166.600.347</b>	<b>29.226.124.622</b>	<b>204.000.669.183</b>	<b>29.226.124.622</b>	<b>33.739.731.859</b>	<b>(18.939.180.000)</b>	<b>(8.389.800.000)</b>	<b>204.000.669.183</b>

<sup>(1)</sup> Căn cứ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12-2013/NQ-HĐQT ngày 12/12/2013, Công ty đã thực hiện tạm ứng trước cổ tức cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo tỷ lệ 15%/cổ phiếu, tương đương số tiền 8.389.800.000 VND.

Việc phân phối lợi nhuận trong năm được thực hiện căn cứ theo các Nghị Quyết sau:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 04-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2013 đã thông qua kết quả kinh doanh sau thuế năm 2012 của Công ty là 31.261.642.715 VND, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận theo nghị quyết này như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế (đã được thông qua)		31.261.642.715
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	10%	3.126.164.272
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	15%	4.689.246.408
Trích bổ sung vốn điều lệ	5%	1.563.082.136
Chi trả cổ tức	13%/Cổ phần	18.939.180.000
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận còn lại	2.943.969.899

Riêng đối với khoản Lợi nhuận sau thuế năm 2012 được Công ty điều chỉnh hồi tố tăng thêm là 3.876.192.763 VND (do điều chỉnh mức thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động xuất bán phẩm từ 25% xuống 10%) sẽ được phân phối sau khi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2014 được thông qua.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	55.932.000.000	37,29%	53.390.000.000	35,59%
Vốn góp của đối tượng khác	89.754.000.000	59,83%	92.296.000.000	61,53%
Cổ phiếu quỹ	4.314.000.000	2,88%	4.314.000.000	2,88%
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>27.328.980.000</b>	<b>-</b>
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	18.939.180.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	8.389.800.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	431.400	431.400
- Cổ phiếu phổ thông	431.400	431.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.568.600	14.568.600
- Cổ phiếu phổ thông	14.568.600	14.568.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7.062.829.000	4.118.859.101
- Quỹ dự phòng tài chính	13.721.825.214	10.595.660.942
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.166.600.347	5.603.518.211

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	377.975.971.879	324.567.109.864
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	207.347.558.845	205.816.993.701
- Doanh thu lịch Block	5.847.679.564	6.814.157.913
- Doanh thu sách tham khảo	44.063.722.114	49.860.978.621
- Doanh thu nhượng bán vật tư	71.761.809.064	33.023.354.775
- Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	48.955.202.292	29.051.624.854
	<b>377.975.971.879</b>	<b>324.567.109.864</b>

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.902.054.890	3.769.586.800
Hàng bán bị trả lại	965.445.836	954.528.695
	<b>4.867.500.726</b>	<b>4.724.115.495</b>

**22. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	373.108.471.153	319.842.994.369
- Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	203.708.973.723	203.344.100.475
- Doanh thu lịch Block	5.847.679.564	6.814.157.913
- Doanh thu sách tham khảo	42.849.557.760	47.689.402.201
- Doanh thu nhượng bán vật tư	71.761.809.064	33.023.354.775
- Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	48.940.451.042	28.971.979.005
	<b>373.108.471.153</b>	<b>319.842.994.369</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	290.931.193.524	234.297.054.173
- Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	154.828.427.087	147.683.505.548
- Giá vốn lịch Block	5.057.443.754	4.991.851.629
- Giá vốn sách tham khảo	24.931.833.532	30.516.060.419
- Giá vốn nhượng bán vật tư	70.154.004.864	30.231.824.929
- Giá vốn thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	35.959.484.287	20.873.811.648
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	108.017.154	(806.834.901)
	<b>291.039.210.678</b>	<b>233.490.219.272</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	345.493.676	1.304.927.870
Cổ tức, lợi nhuận được chia	553.496.600	589.695.500
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	143.663.306	83.162.727
	<b>1.042.653.582</b>	<b>1.977.786.097</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.424.933.333	9.486.279.878
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.202.519.586	1.808.034.219
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	169.107.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.678.158	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.980.935.551)	2.996.860.751
Chi phí tài chính khác	1.762.543	1.109.920
	<b>6.657.958.069</b>	<b>14.461.392.589</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.987.429	164.673.242
Chi phí nhân công	11.588.927.622	9.832.753.420
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	8.681.395	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.932.340	259.222.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.321.553.261	6.982.890.327
Chi phí khác bằng tiền	7.045.258.562	4.204.178.321
	<b>26.245.340.609</b>	<b>21.443.717.825</b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	979.780.549	270.779.263
Chi phí nhân công	5.072.808.304	3.960.054.483
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	4.181.364	7.968.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	218.841.182	264.664.088
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	33.277.276
Chi phí dự phòng	129.333.825	151.189.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.595.766.930	3.228.874.825
Chi phí khác bằng tiền	4.982.695.747	6.138.921.341
	<b>15.986.407.901</b>	<b>14.055.729.360</b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ bán tòa nhà Nguyễn Khánh Toàn <sup>[1]</sup>	8.907.000.000	-
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27.511.311	40.909.091
Thu từ xử lý công nợ	-	19.766.923
Thu nhập khác	14.582.400	65.979.878
	<b>8.949.093.711</b>	<b>126.655.892</b>

<sup>[1]</sup> Là thu nhập từ việc bán lại các căn hộ tại ngôi nhà chung cư 5 tầng 16 A2-DDN, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội cho Bà Phạm Thị Thu Ngân theo hợp đồng kinh tế số 01 ngày 25/05/2012.

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí bán tòa nhà Nguyễn Khánh Toàn <sup>[1]</sup>	4.500.000.000	-
Phạt chậm nộp thuế	66.262.970	213.443.240
Chi phí khác	-	94.995.654
	<b>4.566.262.970</b>	<b>308.438.894</b>

<sup>[1]</sup> Là Chi phí bằng tiền mà Công ty đã bỏ ra từ năm 2007 để mua Bất động sản là các căn hộ tại ngôi nhà chung cư 5 tầng lô A2-DDN, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội (trước khi thực hiện bán Bất động sản này, các chi phí này chưa được ghi nhận là Tài sản cố định mà được theo dõi trên khoản mục Trả trước cho người bán do Công ty chưa thực hiện xong thủ tục sang tên đổi chủ).

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	34.198.038.219	38.187.938.418
Các khoản điều chỉnh tăng	191.559.284	651.772.226
Các khoản điều chỉnh giảm	(553.496.600)	(1.923.589.087)
Thu nhập chịu thuế TNDN 10%	31.679.359.107	36.916.121.557
Thu nhập chịu thuế TNDN 25%	2.156.741.796	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành 10%	3.167.935.911	3.691.612.156
Chi phí thuế TNDN hiện hành 25%	539.185.449	-
Thuế TNDN được giảm	-	(1.107.483.647)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.707.121.360</b>	<b>2.584.128.509</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	56.435.000	465.974.431
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(3.453.575.842)	6.517.071.508
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.139.078.732)	(13.020.750.290)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động KD chính</b>	<b>(829.098.214)</b>	<b>(3.453.575.842)</b>
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	4.407.000.000	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4.407.000.000	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)</b>	<b>1.101.750.000</b>	<b>-</b>
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản</b>	<b>1.101.750.000</b>	<b>-</b>
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>272.651.786</b>	<b>(3.453.575.842)</b>



### 31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	139.702.178.676	128.947.945.508
Chi phí nhân công	16.661.735.926	13.792.807.903
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	12.862.759	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	443.773.522	523.886.603
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	33.277.276
Chi phí dự phòng	129.333.825	151.189.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.381.267.697	52.059.148.161
Chi phí khác bằng tiền	12.027.954.309	11.567.040.533
	<b>217.362.106.714</b>	<b>207.075.295.341</b>

### 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.189.462.599	-	22.046.361.132	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.939.646.071	(5.074.654.338)	35.133.200.108	(4.945.320.513)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(109.786.500)	118.776.400	(99.064.900)
Đầu tư dài hạn	4.750.000.000	-	7.750.000.000	-
	<b>63.997.885.070</b>	<b>(5.184.440.838)</b>	<b>65.048.337.640</b>	<b>(5.044.385.413)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	64.425.076.734	60.379.025.896
Phải trả người bán, phải trả khác	24.070.968.808	24.256.824.233
Chi phí phải trả	2.656.004.108	5.249.032.731
	<b>91.152.049.650</b>	<b>89.884.882.860</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác):

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.189.462.599	-	-	22.189.462.599
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.864.991.733	-	-	31.864.991.733
Đầu tư ngắn hạn	8.989.900	-	-	8.989.900
Đầu tư dài hạn	-	4.750.000.000	-	4.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.063.444.232</b>	<b>4.750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>58.813.444.232</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.046.361.132	-	-	22.046.361.132
Phải thu khách hàng, phải thu khác	30.187.879.595	-	-	30.187.879.595
Đầu tư ngắn hạn	19.711.500	-	-	19.711.500
Đầu tư dài hạn	-	7.750.000.000	-	7.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>52.253.952.227</b>	<b>7.750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>60.003.952.227</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	54.425.076.734	10.000.000.000	-	64.425.076.734
Phải trả người bán, phải trả khác	24.070.968.808	-	-	24.070.968.808
Chi phí phải trả	2.656.004.108	-	-	2.656.004.108
	<b>81.152.049.650</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>91.152.049.650</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	40.379.025.896	20.000.000.000	-	60.379.025.896
Phải trả người bán, phải trả khác	24.256.824.233	-	-	24.256.824.233
Chi phí phải trả	5.249.032.731	-	-	5.249.032.731
	<b>69.884.882.860</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>89.884.882.860</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

#### Theo khu vực địa lý:

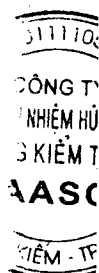
Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	315.839.462	251.905.656
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD VN	3.020.389	69.163.191
Nhà xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD VN	-	6.375.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	19.601.477.859	18.534.739.017
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	3.992.548.812	39.806.672.727
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD VN	30.346.620.867	15.083.035.271
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD VN	340.264.800	125.301.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGD VN	35.399.000	18.382.000

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
<b>Xuất trả lại vật tư</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	-	38.997.272.727
<b>Trả cổ tức</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	15.330.500.000	-
<b>Lãi vay phải thu trong năm</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	-	592.007.370
<b>Cổ tức được chia</b>			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	206.250.000	243.750.000
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
<b>Phải thu</b>			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	-	380.098.713
<b>Phải trả</b>			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	-	364.446.642
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD VN	10.369.168.718	480.251.551
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD VN	131.250.000	261.491.100
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGD VN	-	18.382.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD VN	-	322.916.497
Cty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	13.323.679.404	4.614.245.573
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT		2.372.273.415	1.511.807.599



### 36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính này đã được điều chỉnh lại do:

- Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2012 do việc thay đổi mức thuế suất từ 25% xuống 10% đối với hoạt động xuất bản theo hướng dẫn của thông tư 123/2012/BTC-TT ngày 27/07/2012 và theo hướng dẫn tại Công văn số 6833/BTC-CST về thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản của Bộ Tài chính ngày 29/05/2013; và
- Phân loại lại các chi phí đầu tư góp vốn vào Dự án Trung tâm Xuất bản - Phát hành Sách Giáo khoa tại Cầu Giấy - Hà Nội và Dự án Nhà kho tại Đông Anh - Hà Nội với tổng giá trị là 2.023.950.000 VND từ khoản mục các khoản phải thu khác sang khoản mục Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang (Xem thêm tại Thuyết minh 11) cho phù hợp và để có thể so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>a/ Bảng Cân đối kế toán</b>			
Các khoản phải thu khác	135	383.071.685	2.407.021.685
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	3.689.181.468	235.605.626
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	2.023.950.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	604.756.104	1.027.373.025
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	35.137.835.478	31.261.642.715
<b>b/ Báo cáo Kết quả kinh doanh</b>			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.050.102.940	6.926.295.703
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	35.137.835.478	31.261.642.715



**Đỗ Bá Khánh**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

**Dương Thị Việt Hà**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Phong Yên**  
Người lập